

Bản án số: 150/2026/HS-ST
Ngày 12-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Bà Lê Thị Là

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Vũ Văn B, sinh ngày 27/9/1990, tại Quảng Ninh, căn cước công dân số 022090005073; ĐKKHKT: Tổ C, khu Đ, phường Y, tỉnh Quảng Ninh, nơi ở: Tổ dân phố B T, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N và bà Phùng Thị B1; vợ là Nguyễn Thị T, có 01 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2022/HSST ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2024, chưa thi hành án phí và bồi thường dân sự; tiền sự: Không, nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2012/HSST ngày 29/10/2012 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử 42 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2015, chấp hành xong bản án ngày 03/5/2018; 01 tiền sự cai nghiện bắt buộc năm 2007 tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh. bị bắt tạm giam ngày 05/5/2026; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 15/5/1987 căn cước công dân: 031187010612; địa chỉ: Tổ dân phố B T, phường A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04/5/2026, Vũ Văn B cùng nhóm thợ làm điện nước tại công trình nhà ở xã hội khu công nghiệp T, Hải Phòng. Khoảng 10 giờ 50 phút, B xuống lấy xe mô tô Honda Airblade biển số 15B4-410.24 của anh Nguyễn Thanh Q đi lấy cơm trưa cho mọi người rồi đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987 ở tổ dân phố B T, phường A để mua nước uống.

Khi B vào cửa hàng, chị L đang ở trong nhà nên không biết. Bón đi về phía tủ để nước thì nhìn thấy ở giá hàng có một xô nhựa, trong xô có một túi xách đựng tiền. Quan sát thấy không có ai chú ý, B mở nắp xô nhựa lấy tập tiền trong túi xách vứt vào túi quần rồi đi ra ngoài. Khi về phòng trọ gần đó, B kiểm đếm số tiền lấy được là 6.000.000đồng gồm 11 tờ mệnh giá 500.000đồng, 5 tờ mệnh giá 100.000đồng rồi đi ra công trình đưa cơm cho mọi người và xin nghỉ buổi chiều. Bón thay bộ quần áo lao động rồi ra đường đón taxi đi sang phòng trọ ở phường T. Khoảng 16 giờ cùng ngày, B đi taxi về phòng trọ ở tổ dân phố B T, A biết tin Công an đến kiểm tra nên lại quay về phường T. Đến 20 giờ 40 phút ngày 04/5/2026, khi B đang ở phòng trọ tại phường T thì Công an phường A đến triệu tập đưa về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra, Vũ Văn B khai nhận hành vi phạm tội của mình, số tiền lấy trộm được, B đi taxi hết 900.000đồng, mua đồ ăn và chi tiêu hết 1.993.000 đồng, còn 3.107.000đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Bản Cáo trạng số 93/CT-VKSKV2 ngày 16/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn B khai nhận như nội dung bản Cáo trạng truy tố đã nêu. Bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng pháp luật. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho chị L số tiền 2.893.000đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn B từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Vũ Văn B phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.893.000đồng.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội, tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Vào hồi 11 giờ ngày 04/5/2026, tại cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Kim L ở tổ dân phố B T, phường A, thành phố Hải Phòng; Vũ Văn B lợi dụng sơ hở đã lén lút chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) của chị L. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Như vậy, đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Vũ Văn B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng truy tố bị cáo với tội danh trên là có căn cứ.

- Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3] Tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý cần được xử phạt một mức án nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tài liệu hồ sơ xác định tại bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2022/HSST ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo Vũ Văn B 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2024, chưa thi hành án phí và bồi thường dân sự. Tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích

nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tài liệu hồ sơ xác định về nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án, 01 tiền sự đều đã được xóa, Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2012/HSST ngày 29/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử 42 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2015, chấp hành xong bản án ngày 03/5/2018; 01 tiền sự cai nghiện bắt buộc năm 2007 tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về các vấn đề khác:

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài liệu hồ sơ xác định tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị L là 6.000.000đồng, sau khi bị cáo nộp lại số tiền 3.107.000đồng Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L. Chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị L số tiền 2.893.000đồng còn thiếu. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị L số tiền trên. Căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Vũ Văn B phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.893.000đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ 01 USB chứa dữ liệu điện tử. Đây là vật chứng trong vụ án nên tiếp tục lưu hồ sơ giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn B phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn B 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 05/5/2026.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Vũ Văn B.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Vũ Văn B phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.893.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1 ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 bị cáo Vũ Văn B phải nộp số tiền 200.000đồng án phí hình sự và 200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước 400.000đồng.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng PV06 CATP; Phòng PC 10 CATP; Sở Tư pháp HP; Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương